

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHỤ LỤC I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI PHỤ LỤC I BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày / 9 / 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An)*

1. HUYỆN ĐỨC HÒA: Bổ sung nội dung như sau:

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ... ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đồng/m²)							
			THỊ TRẤN				XÃ			
			CHN	CLN	NTS	RSX	CHN	CLN	NTS	RSX
Phần I: VỊ TRÍ TIẾP GIÁP ĐƯỜNG GIAO THÔNG										
E	CÁC KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG									
33	Đường nội bộ cụm công nghiệp Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam	Các tuyến đường nội bộ					250.000	250.000	250.000	142.000
34	Đường nội bộ Cụm công nghiệp Đức Hòa Đông (chính trang)	Các tuyến đường nội bộ					210.000	230.000	210.000	142.000

2. HUYỆN TÂN TRỤ: Sửa đổi, Bổ sung nội dung như sau:

a) Tại Tiểu Mục II, Mục C Phần I. Sửa đổi nội dung:

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ... ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đồng/m²)					
			THỊ TRẤN			XÃ		
			CHN	CLN	NTS	CHN	CLN	NTS
PHẦN I: VỊ TRÍ TIẾP GIÁP ĐƯỜNG GIAO THÔNG								
C	CÁC ĐƯỜNG KHÁC							
II	Các đường chưa có tên							
2	Đường vào Trung tâm Y tế huyện Tân Trụ	Đường Nguyễn Trung Trực - Đường Cao Thị Mai	200.000	220.000	200.000			

b) Tại Mục B và Mục C Phần I. Bổ sung nội dung:

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ... ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đồng/m²)					
			THỊ TRẤN			XÃ		
			CHN	CLN	NTS	CHN	CLN	NTS
PHẦN I: VỊ TRÍ TIẾP GIÁP ĐƯỜNG GIAO THÔNG								
B	ĐƯỜNG HUYỆN (ĐH)							
14	Đường Nguyễn Hoàng Anh		200.000	220.000	200.000	200.000	220.000	200.000
15	Đường vào Trường THCS Lê Đại Đường	ĐT 833B-Trường THCS Lê Đại Đường				200.000	220.000	200.000
C	CÁC ĐƯỜNG KHÁC							
I	Các đường có tên							

			ĐƠN GIÁ (đồng/m ²)					
			THỊ TRẤN			XÃ		
			CHN	CLN	NTS	CHN	CLN	NTS
5	Đường Cao Thị Mai (Hương lộ Cầu Trắng)	ĐT 832 - đường dân sinh (ĐT 832 cũ)				170.000	185.000	170.000

3. HUYỆN THANH HÓA: Bổ sung, bãi bỏ nội dung như sau:

a) Tại Mục C Phần I. Bổ sung nội dung:

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ... ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đồng/m ²)							
			THỊ TRẤN				XÃ			
			CHN	CLN	NTS	RSX	CHN	CLN	NTS	RSX
Phần I: VỊ TRÍ TIẾP GIÁP ĐƯỜNG GIAO THÔNG										
C	ĐƯỜNG HUYỆN (ĐH)									
6	Đường tuần tra biên giới tỉnh	Kênh Maren mới - Giáp ranh thị trấn Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hoá					120.000	130.000	120.000	120.000

b) Tại Phần II. Bãi bỏ STT2. Kênh Dương Văn Dương (*Lý do: Thực tế đã hình thành đường GTNT bê tông với nền đường $\geq 3m$, mặt đường rộng từ 2,5m -3m*).

4. HUYỀN TÂN THANH: Sửa đổi, bãi bỏ nội dung như sau:

a) Tai Phần I và Phần II. Sửa đổi nội dung:

[illegible]

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TẾP GIÁP	ĐƠN GIÁ (đồng/m ²)							
			THỊ TRẤN				XÃ			
			CHN	CLN	NTS	RSX	CHN	CLN	NTS	RSX
1	Đường 2 tháng 9 (ĐT 837 cũ)	ĐT 829 (TL 29)-Cầu cà Nhíp (kể cả phần tiếp giáp với khu dân cư kênh Cầu Vội)	214.000	235.000	214.000	142.000				
4	ĐT 829 (TL29)	Quốc lộ 62 - Kênh Hiệp Thành	214.000	235.000	214.000	142.000				
Phần II: VỊ TRÍ TIẾP GIÁP SÔNG, KÊNH										
6	Kênh trung ương (bờ Nam) xã Tân Hòa						80.000	88.000	80.000	80.000

b) Tại Phần II. Bãi bỏ các vị trí : STT1. Bờ Bắc kênh Dương Văn Dương; STT 2. Kênh 7 Thước (bờ Nam); STT3. Kênh 79 (bờ Nam), STT 4. Kênh Quận, Kênh nông nghiệp (bờ Tây); STT 5. Kênh 12 (bờ đông) các xã Tân Hòa, Tân Bình, Kiến Bình; STT7. Kênh trung ương (bờ bắc) (*Lý do: các bờ kênh trên hiện trạng đã hình thành đường giao thông nông thôn có nền đường $\geq 3m$, có trải đá, sỏi đỏ hoặc bê tông*)).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Út